

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2023/HSST
Ngày 21 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Bá Lại

+ Ông: Thào Mí Chứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hầu Dũa S; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 01/01/1979 tại xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hoá: 0/12; Số căn cước công dân: 0022079004178, cấp ngày 25/6/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; con ông Hầu Xúa P và bà Cứ Thị P (đều đã chết); Tình trạng hôn nhân: Có vợ: Chàng Thị L; sinh năm 1977 và 04 con chung, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông: Nguyễn Minh Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Cứ Mí D; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 11/3/1996 tại xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; Số căn cước công dân: 002096004655, cấp ngày 04/12/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an, con ông Cứ Chừ S, sinh năm 1973 và bà Hầu Thị C, sinh năm 1977. Tình trạng hôn nhân: Có vợ Hầu Thị D, sinh năm: 1993 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con

nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông: Nguyễn Minh Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Giàng Mí S1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Hầu Mí T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Giàng Mí P. Có mặt.

+ Anh Phàn Sài P1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 19/3/2023 Giàng Mí S1 đã thực hiện hành vi trộm cắp của Hầu Mí T, là con trai của bị cáo Hầu Dừa S gồm có: 01 đầu máy mô tơ (loại mô tơ gắn vào máy xay xát ngô); 01 đầu thu (loại đầu thu kết nối chảo) và 01 cuộn dây cáp (loại dây nối từ chảo vào đầu thu); 01 điều khiển; 01 cục nguồn; 01 dây giắc cắm và 01 đôi pin (loại pin tiểu). Đến ngày 21/3/2023 Hầu Dừa S có sang nhà T thì phát hiện mất những tài sản trên nên đã gọi điện thoại báo cho T biết. Do T đi làm thuê không về được, nên S đã đi tìm và được em trai là Hầu Mí P có nói cho biết là Giàng Mí S1 mới mua được 01 đầu máy mô tơ của người dân ở thôn N, xã B, huyện Q.

Ngày 22/3/2023 Hầu Dừa S đi đến nhà S1 mục đích để hỏi S1 mua mô tơ của ai, khi đến nhà S1 có thấy Cú Mí D (em rể) cũng đang có mặt. Khi S hỏi S1 mua mô tơ ở đâu thì S1 trả lời là “*em mua cái mô tơ đó ở thôn N, xã B, với số tiền là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) nhưng em sửa không được, nên em mang đi trả rồi*”. Lúc này S nói với S1 “*em đưa anh đi xem nào có khi có người ăn trộm của anh về bán cho em đấy*” và nói với Cú Mí D là S bị đau ở tay nên nhờ D lấy xe máy chở S đi xuống thôn N, còn S1 tự đi xe mô tô của S1. Khi xuống đến nhà anh Tần Seo C, S có hỏi C có được bán mô tơ cho S1 không, C có trả lời không được bán mô tơ cho S1. Sau đó S1 cùng S và D quay về nhà S1 để nói chuyện, do S đã nghi ngờ S1 là người đã thực hiện hành vi trộm cắp, khi nói chuyện S1 trả lời quanh co, không nói rõ được nguồn gốc mô tơ mà có nên S có tát 02 phát vào mặt của S1, lúc đó D cũng đấm 02 phát vào mặt của S1. Sau khi bị đánh S1 đã đi lấy đầu máy mô tơ được cất giấu ở trên giường và nói là do một người trộm về bán cho S1, có đánh chết S1 cũng không khai người đã bán, nghe S1 nói xong bị cáo S tiếp tục đấm 01 phát và đá 01 phát vào lưng S1, lúc này S1 mới thừa nhận lấy trộm mô tơ của Hầu Mí T. Sau đó S, D và S1 ngồi mỗi người cách nhau khoảng 01m thì S có hỏi S1 là đi báo Công an

hay như thế nào, S1 đã xin S không đi báo Công an về việc đã trộm cắp mô tơ, khi đó S nói nếu không báo Công an thì phải đưa cho số tiền 3.600.000 đồng và phải trả thêm tiền công cho và D mỗi người 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*). Do không có tiền nên S1 không đồng ý, ngay lúc đó có lấy một con dao quắm và 02 cái ghế bằng gỗ của nhà S1 ra đặt trước mặt S1, S yêu cầu S1 đưa 03 ngón tay lên ghế để cho S chặt nếu như S1 không đưa tiền. Do sợ bị tố cáo hành vi trộm cắp và bị chặt ngón tay nên S1 đã nhất trí trả tiền và xin giảm xuống 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) nhưng S không đồng ý, S1 lại xin nộp 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) có được không, thì S bảo với S1 là cứ đi lấy tiền về đã rồi tính sau. Do không có tiền nên S1 nói với là đi đến nhà anh trai là Giàng Mí P để vay tiền, do sợ S1 bỏ trốn nên S có nhờ D đi cùng, D đã đồng ý, S1 tự đi xe máy một mình còn D lấy xe máy của mình chở S. Khi đến nhà P, S1 có hỏi P để vay tiền nhưng không được, S1 lại nói đi sang nhà Giàng Mí L cũng là anh trai của S1 để vay tiền, lúc đó S có bảo S1 gọi điện cho L trước đồng ý cho vay tiền thì mới đi, do điện thoại của S1 hết tiền, nên S1 cùng S và D đi lên nhà Phan Sài P cùng thôn mượn điện thoại để gọi cho L vay tiền nhưng không liên lạc được. Sau đó S1 cùng và D lại quay về nhà S1 để nói chuyện tiếp. S tiếp tục hỏi S1 là đi báo Công an hay như thế nào thì S1 nhất trí nộp tiền theo yêu cầu của S. Do không có tiền nên S1 đã tự nguyện xin giao xe mô tô biển kiểm soát 23L1- 051.46 cho S giữ làm tin đợi S1 đi vay tiền về trả cho S, khi đó S đưa ra điều kiện yêu cầu S1 trong 03 ngày phải có đủ 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) nộp cho bị cáo, ngoài ra phải trả tiền công cho S và D mỗi người 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*). Sau đó S có bảo D cho gửi xe mô tô của S1 ở nhà D, D đồng ý, S dắt xe mô tô sang nhà D gửi, lúc đó P1 có mặt và D có lấy rượu mời S và P1 uống, nhưng P1 không uống. với D uống xong 2 lưng bát rượu rồi S có mời D và P1 đi lên nhà S chơi, có D cùng đi, còn P1 về nhà. Sau đó có mổ gà để tiếp D và cùng uống rượu cho đến khoảng 24 giờ thì đi ngủ. Đối với Giàng Mí S1 do không vay được tiền lo sợ S và D tiếp tục đánh mình, đến khoảng 23 giờ ngày 23/3/2023 đã chuẩn bị đồ đạc sinh hoạt cá nhân và bỏ trốn lên rừng thuộc khu vực mốc 336, ngày 09/4/2023 người nhà của S1 mới tìm thấy và đưa S1 về nhà.

Sau khi biết S1 bỏ trốn, ngày 26/3/2023 S đã đến thôn trình báo sự việc, khi công an xã giải quyết S đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cho cơ quan chức năng.

Đối với tài sản Giàng Mí S1 trộm cắp của Hầu Mí T gồm: : 01 đầu máy mô tơ (loại mô tơ gắn vào máy xay xát ngô); 01 đầu thu (loại đầu thu kết nối chảo) và 01 cuộn dây cáp (loại dây nối từ chảo vào đầu thu); 01 điều khiển; 01 cục nguồn; 01 dây giắc cắm và 01 đôi pin (loại pin tiểu). Kết quả định giá tài sản có giá trị: 1.075.000 đồng. Do trị giá tài sản trộm cắp dưới mức quy định nên Giàng Mí S1 không bị xử lý hình sự, đã bị xử phạt hành chính theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra Hầu Dừa S và Cừ Mí D đã khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với bị hại theo đúng nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa bị cáo Cừ Mí D có thừa nhận khi S chưa thừa nhận hành vi trộm cắp đã cùng S đánh , khi S đe dọa dùng vũ lực để S1 phải nộp tiền đã không can ngăn, khi S1 đi vay tiền, S sợ S1 bỏ trốn thì D đã đi cùng, khi S yêu cầu S1 trả tiền công cho bị cáo tuy không nói gì nhưng thừa nhận nếu S1 thực hiện thì sẽ nhận. Hầu

Dũ S thừa nhận có dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để S1 phải nộp tiền cho mình, sau đó bị hại không có tiền nên chưa thực hiện được, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo cũng do lỗi của bị hại.

Về vật chứng vụ án: Sau khi xác định vật chứng, đồ vật là tài sản hợp pháp của chủ sở hữu cơ quan điều tra đã xử lý theo thẩm quyền, chỉ còn thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án như sau:

- 01 ghế gỗ có kích thước (28,5x14x12)cm;
- 01ghế có kích thước (27,5x09x9,5)cm (đều đã qua sử dụng).
- 01 (một) Con dao quắm, cán dao bằng gỗ, dao có kích thước (43 x (4)cm. Dao cũ đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

Tại phiên tòa bị hại Giàng Mí S1 xác định bị cáo S và D phạm tội cũng do một phần lỗi của mình nên đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt

Cáo trạng số 14/CT-VKSQB ngày 30/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ đã truy tố bị cáo Hầu Dũ S, Cứ Mí D về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hầu Dũ S, Cứ Mí D phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hầu Dũ S từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 đến 48 tháng, giao bị cáo cho UBND xã B, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cứ Mí D từ 12 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Nội dung bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hầu Dũ S nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hầu Dũ S 18 tháng đến 24 tù cho hưởng án treo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thời gian thử thách 36 đến 48 tháng và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với bị cáo Cứ Mí D đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điều 36, Bộ luật

Hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Phản tranh luận bị cáo, bị hại nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, người bào chữa không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được cải tạo ngoài xã hội như người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quản Bạ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tố tụng: Việc vắng mặt người làm chứng Phan Sài Phừ xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không thay đổi lời khai. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Vào tối ngày 22/3/2023 bị cáo Hầu Dũa S, Cứ Mí D sau khi phát hiện bị hại có hành vi trộm cắp tài sản đã không trình báo cơ quan chức năng mà đã đe dọa dùng vũ lực để cưỡng đoạt, buộc bị hại phải nộp 4.600.000 đồng, tuy nhiên bị hại chưa có tiền giao nộp nhưng hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được việc dùng vũ lực, uy hiếp người khác để cưỡng đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo đã xem thường pháp luật, cố ý phạm tội, do đó phải áp dụng một mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra mới đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo S là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật, đã trực tiếp đe dọa, dùng vũ lực để buộc bị hại phải đồng ý nộp tiền cho mình nên bị cáo S là người có vai trò chính, bị cáo D có vai trò giúp sức như: tham gia bằng việc không can ngăn mà trực tiếp đi cùng bị cáo S để giám sát bị hại đi vay tiền, đồng ý cho S gửi xe mô tô là điều kiện để S chiếm đoạt tiền của bị hại, khi bị cáo S yêu cầu bị hại trả

công cho bị cáo 500.000 đồng, tuy không có ý kiến phản đối nhưng thừa nhận nếu bị hại thực hiện sẽ nhận tiền. Trong vụ án này thấy rằng các bị cáo đã nhất thời phạm tội, không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ và không có tính toán từ trước, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo S là người có ý thức thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị cáo D tham gia với vai trò đồng phạm, như vậy bị cáo S phải chịu mức án cao hơn bị cáo D. Đối với Giàng Mí S1 xác định trị giá tài sản trộm cắp dưới 02 triệu đồng, công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp và đúng quy định.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, phạm tội chưa gây thiệt hại, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, do lỗi của bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt: Các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số hạn chế về hiểu biết pháp luật, xã hội, không phải đối tượng côn đồ, hung hãn, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly xã hội đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo riêng bị cáo và thể nhân sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, cần chấp nhận miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[12] Đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa về tội danh, hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hầu Dừa S 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hầu Dừa S cho UBND xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cù Mí D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Cù Mí D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 02 ghế gỗ, 01 dao quả. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án huyện Q.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh HG;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan, người bào chữa;
- UBND xã B;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân